

QUY T NH

Ban hành Quy nh v qu n lý và s d ng tài nguyên Internet

B TR NG B B U CHÍNH, VI N THÔNG

- C n c Pháp l nh B u chính, Vi n thông ngày 25 tháng 5 n m 2002;
- C n c Ngh nh s 55/2001/N -CP ngày 23 tháng 8 n m 2001 c a Chính ph v qu n lý cung c p và s d ng d ch v Internet;
- C n c Ngh nh s 90/2002/N -CP ngày 11 tháng 11 n m 2002 c a Chính ph quy nh ch c n ng, nhi m v , quy nh n và c c u t ch c c a B B u chính, Vi n thông;
- Theo ngh c a V tr ng V i n thông,

QUY T NH:

i u 1. Ban hành kèm theo Quy t nh này "Quy nh v qu n lý và s d ng tài nguyên Internet".

i u 2. Quy t nh này có hi u l c sau 15 ngày k t ngày ng Công báo. Quy t nh này thay th Quy t nh s 92/2003/Q -BBCVT ngày 26 tháng 5 n m 2003 c a B tr ng B B u chính, Vi n thông.

i u 3. Chánh V n phòng, Chánh Thanh tra, các V tr ng, C c tr ng, th tr ng các n v thu c B B u chính, Vi n thông; các t ch c, cá nhân trong n c và t ch c, cá nhân n c ngoài tham gia ho t ng Internet Vi t Nam ch u trách nhi m thi hành Quy t nh này./.

B TR NG

(*ã ký*)

Trung Tá

QUY NH
V QU N LÝ VÀ S D NG TÀI NGUYÊN INTERNET
(Ban hành kèm theo Quy t nh s 27 /2005/Q -BBCVT
ngày 11 tháng 8 n m 2005 c a B tr ng B B u chính, Vi n thông)

Ch ng I

QUY NH CHUNG

i u 1. Ph m vi và i t ng i u ch nh

Quy nh này i u ch nh vi c qu n lý và s d ng tài nguyên Internet i v i m i t ch c, cá nhân trong n c; t ch c, cá nhân n c ngoài ho t ng trong l nh v c Internet t i Vi t Nam.

i u 2. Tài nguyên Internet

1. Tài nguyên Internet là m t ph n c a tài nguyên thông tin qu c gia ph i c qu n lý, khai thác, s d ng úng m c ích và có hi u qu .

2. Nghiêm c m s d ng tài nguyên Internet vào m c ích ch ng l i nhà n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam, gây r i an ninh, kinh t , tr t t , an toàn xã h i, vi ph m thu n phong m t c c a dân t c, xâm h i quy n, l i ích h p pháp c a t ch c, cá nhân và c n tr b t h p pháp ho t ng c a h th ng máy ch tên m i n (DNS) qu c gia. Nghiêm c m vi c chuy n nh ng, cho thuê, bán l i tài nguyên Internet d i b t k hình th c nào.

3. Tài nguyên Internet có liên quan n ho t ng c a các c quan, t ch c ng, Nhà n c ph i c u tiên b o v và không c xâm ph m.

i u 3. C quan qu n lý tài nguyên Internet

Trung tâm Internet Vi t Nam (VNNIC) là n v tr c thu c B B u chính, Vi n thông th c hi n ch c n ng qu n lý, giám sát, thúc y và h tr vi c s d ng tài nguyên Internet Vi t Nam.

i u 4. Phí và l phí

Các c quan, t ch c, cá nhân s d ng tài nguyên Internet có trách nhi m n p phí và l phí tr c khi tài nguyên i vào ho t ng ho c t i p t c duy trì ho t ng. Trung tâm Internet Vi t Nam h ng d n vi c n p phí và l phí theo úng quy nh c a B Tài chính.

Đ i u 5. Các thu t ng

Các thu t ng s đ ng trong b n Quy nh này c hi u nh sau:

1. Tài nguyên Internet bao g m h th ng các tên và s dùng cho Internet c n nh th ng nh t trên ph m vi toàn c u. Tài nguyên Internet bao g m:

a. Tên mi n (DN);

b. a ch Internet hay còn g i là a ch IP;

c. S hi u m ng (ASN);

d. S và tên khác theo quy nh c a B B u chính, Vi n thông.

2. Tên mi n là tên c s đ ng nh danh các a ch Internet. Tên mi n bao g m:

a. Tên mi n c p cao nh t.

Tên mi n c p cao nh t (TLD) g m tên mi n chung c p cao nh t (gTLD) và tên mi n qu c gia c p cao nh t (ccTLD).

Tên mi n chung c p cao nh t (gTLD) bao g m các tên mi n sau: .COM; .NET; .EDU; .ORG; .INT; .BIZ; .INFO; .NAME; .PRO; .AERO; .MUSEUM; .COOP và nh ng tên mi n chung c p cao nh t khác theo quy nh c a các t ch c qu c t có th m quy n v tài nguyên Internet.

Tên mi n qu c gia c p cao nh t (ccTLD) bao g m các tên mi n c quy nh theo chu n qu c t v mã qu c gia [ISO3166]. Các tên mi n qu c gia c p cao nh t thay i khi có thêm các qu c gia, lãnh th m i ho c khi sáp nh p các qu c gia l i v i nhau.

b. Tên mi n c p 2, c p 3, c p 4, c p 5 là các tên mi n theo tr t t n m d i tên mi n c p cao nh t.

3. a ch Internet là a ch m ng c a thi t b , máy ch bao g m các th h a ch IPv4, IPv6 và các th h a ch m i s c s đ ng trong t ng lai.

4. S hi u m ng (ASN) là s c s đ ng nh danh m t m ng máy tính tham gia vào các ho t ng nh tuy n chung trên Internet.

5. H th ng máy ch tên mi n (DNS) là t p h p các c m máy ch c k t n i v i nhau tr l i a ch IP t ng ng v i m t tên mi n khi c h i n.

Ch ng II TÊN MI N

Đ i u 6. C u trúc tên mi n

1. Tên mi n .VN là tên mi n qu c gia c p cao nh t c quy nh cho các máy ch Internet ng ký t i Vi t Nam.

2. Tên mi n chung c p 2 (gSLD) là các tên mi n phân theo l nh v c, g m các tên mi n sau ây:

a. COM.VN: Dành cho t ch c, cá nhân ho t ng th ng m i.

- b. BIZ.VN: Dành cho các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh, thương mại và internet miền COM.VN.
- c. EDU.VN: Dành cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.
- d. GOV.VN: Dành cho các cơ quan, tổ chức nhà nước trung ương và địa phương.
- e. NET.VN: Dành cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực thị trường và cung cấp các dịch vụ trên mạng.
- f. ORG.VN: Dành cho các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực chính trị, văn hoá xã hội.
- g. INT.VN: Dành cho các tổ chức quốc tế tại Việt Nam.
- h. AC.VN: Dành cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu.
- i. PRO.VN: Dành cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong những lĩnh vực có tính chuyên ngành cao.
- j. INFO.VN: Dành cho các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phân phối, cung cấp thông tin.
- k. HEALTH.VN: Dành cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực y tế.
- l. NAME.VN: Dành cho tên riêng của cá nhân tham gia hoạt động Internet.
- m. Những tên miền khác do Bộ Bộ trưởng chính, Viện thông quy định.
- 3. Các tên miền cấp 2 theo địa giới hành chính là tên miền Internet cấp 2 theo tên các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Tên miền cấp 2 theo địa giới hành chính cấp dưới theo tỉnh Việt Nam không được.

Điều 7. Tên miền tiếng Việt

1. Tên miền tiếng Việt là các tên miền cấp 2 dưới tên miền quốc gia .VN và tiếng Việt theo tiếng Việt hoặc tên miền cấp 3 dưới tên miền cấp 2 theo địa giới hành chính và tiếng Việt.
2. Tên miền tiếng Việt gồm các ký tự quy định trong bảng mã tiếng Việt theo tiêu chuẩn TCVN 6909:2001 và các ký tự nằm trong bảng mã mã rỗng của tiếng Việt theo tiêu chuẩn nói trên, không viết tắt toàn bộ tên miền, rõ nghĩa trong ngôn ngữ tiếng Việt.
3. Trung tâm Internet Việt Nam hướng dẫn chi tiết về việc ký và sử dụng tên miền tiếng Việt.

Điều 8. Nguyên tắc đăng ký tên miền

1. Nguyên tắc chung:

- a. Khuyến khích sử dụng rỗng tên miền để tên miền quốc gia .VN.
- b. Đăng ký theo nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt. Tổ chức, cá nhân đăng ký trực tiếp xét cấp trực tiếp.
- c. Tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng tên miền phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mục đích sử dụng và tính chính xác của các thông tin cung cấp cho Trung tâm Internet Việt Nam và mọi biện pháp đăng ký, sử dụng tên miền không xâm phạm các quy định, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác có trước ngày đăng ký.
- d. Khi đăng ký tên miền phải cung cấp đầy đủ thông tin về máy chủ tên miền mà nó chứa nội dung tên miền đó mà nó trả lời.
- e. Việc thiết lập các báo chí và trang thông tin trên các các tên miền đã đăng ký phải tuân theo các quy định của pháp luật về quản lý báo chí, xuất bản và quản lý nội dung thông tin trên Internet.

2. Nguyên tắc cơ bản :

- a. Các tổ chức trong nước hoặc nước ngoài tham gia hoạt động Internet để đăng ký sử dụng tên miền cấp 2 để tên miền quốc gia .VN, trừ các tên miền chung cấp 2 (gSLD) theo quy định của Quy định này.
- b. Các tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài tham gia hoạt động Internet để đăng ký sử dụng tên miền cấp 3 sau tên miền cấp 2 để tên miền quốc gia .VN.
- c. Các cơ quan, Nhà nước chấp thuận đăng ký sử dụng tên miền để tên miền quốc gia .VN và lưu giữ thông tin trong các máy chủ có địa chỉ IP Việt Nam.
- d. Các tổ chức chính trị xã hội và cơ quan báo chí, xuất bản của Việt Nam phải đăng ký sử dụng tên miền để tên miền quốc gia .VN và có thể đăng ký sử dụng thêm một tên miền để tên miền chung cấp cao nhất (gTLD) và tên miền để tên miền quốc gia cấp cao nhất (ccTLD).
- e. Khi cấp cấp tên miền cấp 2 để tên miền quốc gia .VN, các cơ quan, tổ chức, nếu có nhu cầu, chỉ có thể phân bổ tên miền cấp 3 để tên miền cấp 2 của mình cho các thành viên của cơ quan, tổ chức mình sử dụng nội bộ, một người phải có trách nhiệm quản lý các tên miền để tên miền của mình và tạm ngừng hoặc thu hồi các tên miền đó khi có yêu cầu của Bộ Ban chấp hành, Văn phòng.
- f. Khi cấp cấp tên miền cấp 2 để tên miền quốc gia .VN, các IXP, ISP, ICP, OSP cấp cấp tên miền cấp 3 để các tên miền cấp 2 của mình cho mục đích kinh doanh hoặc cho khách hàng sử dụng dịch vụ Internet chỉ trong trường hợp người cấp VNNIC chỉ là nhà đăng ký tên miền.
- g. Các cơ quan, tổ chức không nằm trong quy định của điểm 2.c, điểm 2.d của quy định này và cá nhân để đăng ký sử dụng tên miền để tên miền chung cấp cao nhất (gTLD) hoặc tên miền quốc gia cấp cao nhất (ccTLD). Các tổ chức, cá nhân chỉ có thể vào sử dụng các tên miền để tên miền cấp cao nhất này sau 24 giờ kể từ khi thông báo cho Trung tâm Internet Việt Nam biết tại website <http://www.gtld.info.vn>.

đ i u 9. Nguyên t c t tên mi n

1. Tên mi n là do c quan, t ch c, cá nhân t ch n, tuân theo quy nh c a pháp lu t hi n hành và các quy nh nêu trong Qui nh này.

2. Tên mi n ng ký không c bao g m các c m t xâm ph m n l i ích qu c gia ho c không phù h p v i o c xã h i, v i n p s ng, v n hóa dân t c.

3. Tránh ng ký các tên mi n liên quan t i tên các a danh, danh nhân, lãnh t , t ch c liên chính ph , t ch c chính tr xã h i hay các tên chung c a m t ngành kinh t , tên ch ng lo i hàng hoá, s n ph m. Trong tr ng h p có nhu c u ng ký c n có s c rõ ràng.

4. Tên mi n ng ký c ch a các ký t t A n Z; 0 n 9 và các ký t ti ng Vi t trong b ng ch cái ti ng Vi t. Các ký t này không phân bi t vi t hoa hay vi t th ng.

5. Tên mi n ng ký c ch a ký t “-” nh ng không c b t u ho c k t thúc v i các ký t này.

6. Tên mi n ng ký không c b t u b ng ký t “xn--“.

7. Tên mi n ng ký ph i ch a ít nh t 3 ký t và không nhi u h n 63 ký t .

đ i u 10. Nhà ng ký tên mi n

1. Nhà ng ký tên mi n là t ch c cung c p d ch v ng ký tên mi n qu c gia .VN c Trung tâm Internet Vi t Nam ch nh trên c s l a ch n theo nhu c u phát tri n d ch v ng ký tên mi n và các tiêu chu n quy nh.

2. Các t ch c c Trung tâm Internet Vi t Nam xem xét l a ch n th c hi n d ch v ng ký tên mi n n u áp ng c các i u ki n sau:

a. Là t ch c Vi t Nam ho c n c ngoài có t cách pháp nhân y , rõ ràng theo quy nh c a pháp lu t..

b. Có n ng l c tài chính, k thu t, nhân s áp ng c kh n ng cung c p d ch v ng ký tên mi n qu c gia .VN theo yêu c u c a Trung tâm Internet Vi t Nam.

3. Nhà ng ký tên mi n c y quy n ti p nh n vi c ng ký tên mi n, n p phí và l phí tên mi n và h ng hoa h ng theo quy nh hi n hành, ng th i có trách nhi m th c hi n quy ch qu n lý nhà ng ký tên mi n do Trung tâm Internet Vi t Nam ban hành.

đ i u 11. Th t c ng ký tên mi n

1. H s ng ký tên mi n:

a. i v i c quan t ch c Vi t Nam và n c ngoài ho t ng h p pháp t i Vi t Nam, h s ng ký bao g m:

“B n khai ng ký tên mi n“ có ch ký và con d u c a c quan, t ch c xin ng ký theo m u do Trung tâm Internet Vi t Nam quy nh.

b. i v i cá nhân ng i Vi t Nam và ng i n c ngoài ang sinh s ng và làm vi c t i Vi t Nam, h s ng ký bao g m:

- “B n khai ng ký tên mi n” có ch ký cá nhân xin ng ký theo m u do Trung tâm Internet Vi t Nam quy nh.

- Ch ng minh th nhân dân ho c h kh u th ng trú i v i cá nhân ng i Vi t Nam; h chi u cùng th th ng trú ho c ch ng nh n t m trú ho c th t m trú do các c quan Nhà n c có th m quy n c p i v i cá nhân ng i n c ngoài.

2. a ch nh nh s :

a. ng ký tr c ti p.

Khi ng ký tr c ti p, h s n p t i các c s c a Trung tâm Internet Vi t Nam t i Hà N i: 115 Tr n Duy H ng, Qu n C u Gi y; t i thành ph H Chí Minh: 27 Nguy n B nh Khiêm, Qu n 1; t i à N ng: 42 Tr n Qu c To n ho c t i các nhà ng ký tên mi n c Trung tâm Internet Vi t Nam l a ch n.

b. ng ký tr c tuy n qua m ng.

ng ký t i website <http://www.vnnic.net.vn>, h s g c c a các t ch c, gi y t sao có công ch ng c a cá nhân v n ph i c g i v Trung tâm Internet Vi t Nam.

3. Th i h n tr l i k t qu ho c c p "Ch ng nh n ng ký tên mi n" t i a là 4 ngày làm vi c k t khi nh n c h s h p l .

4. Thông báo k t qu c p "Ch ng nh n ng ký tên mi n" trên website <http://www.vnnic.net.vn>. Trong tr ng h p t ch i c p, Trung tâm Internet Vi t Nam s thông báo b ng v n b n và nêu rõ lý do.

5. i v i t ch c, cá nhân là ng i n c ngoài không sinh s ng và làm vi c t i Vi t Nam: Th c hi n các th t c ng ký qua các nhà ng ký tên mi n do Trung tâm Internet Vi t Nam ch nh.

i u 12. Thay i tên mi n

1. Thay i hoàn toàn tên mi n là ng ký m t tên mi n m i theo nguyên t c ng ký tên mi n quy nh t i i u 8 c a Quy nh này. Trong tr ng h p này tên mi n c s b thu h i.

2. Thay i các thông tin liên quan n s ho t ng và qu n lý c a tên mi n nh các thông s k thu t, a ch c quan, s i n tho i, s fax, email, v.v..Nh ng thông tin thay i ó ph i c i n vào “B n khai thay i tên mi n” do Trung tâm Internet Vi t Nam quy nh và g i cho Trung tâm Internet Vi t Nam trong vòng 30 ngày.

i u 13. Tr l i, t m ng ng, thu h i tên mi n

1. Tr l i tên mi n.

Khi không còn nhu c u s d ng, các c quan, t ch c, cá nhân có v n b n ngh tr l i tên mi n g i cho Trung tâm Internet Vi t Nam.

2. T m ng ng s d ng tên mi n trong các tr ng h p sau:

a. Theo yêu c u b ng v n b n c a c quan nhà n c có th m quy n ho c vi ph m Quy nh này.

b. Quá trình hình thành thanh toán phí duy trì tên miền theo quy định.

3. Thu hồi tên miền trong các trường hợp sau:

a. Theo yêu cầu của bên đăng ký các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định ghi trong quy định khi cần tranh chấp tên miền.

b. Vi phạm nghiêm trọng nêu trong điều 2 của Quy định này hoặc thông tin cung cấp khi đăng ký tên miền không chính xác.

c. Tên miền sẽ bị thu hồi sau 30 ngày kể từ khi tạm ngừng mà cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn tiếp tục vi phạm.

d. Tên miền sẽ bị thu hồi sau thời hạn 60 ngày kể từ khi các cấp Chính quyền đăng ký tên miền mà không hoạt động, nếu không có lý do chính đáng.

4. Gửi thông báo.

Trung tâm Internet Việt Nam sẽ công bố vị trí liên hệ, tạm ngừng hay thu hồi tên miền trên website <http://www.vnnic.net.vn> và thông báo bằng văn bản cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương III **A CH IP VÀ S H I U M NG**

Điều 14. Nguyên tắc cấp và sử dụng địa chỉ IP

1. Các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu thiết lập mạng kết nối Internet sẽ quy định xin cấp địa chỉ IP, số lượng và phân bổ liên hệ cho khách hàng vào mục đích sử dụng trong mạng của mình. Việc xin cấp địa chỉ IP và số lượng mạng từ các tổ chức quản lý trong trường hợp các Bộ/Ban chính, Việt Nam thông cho phép bằng văn bản.

2. Địa chỉ IP cấp yêu cầu cho nhu cầu sử dụng thực tế và có giá trị sử dụng trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Các cơ quan, tổ chức, tham gia hoạt động Internet phải thực hiện chính sách phân bổ và quản lý các vùng địa chỉ này theo hướng dẫn của Trung tâm Internet Việt Nam; không được sử dụng những vùng địa chỉ IP nằm ngoài phạm vi Trung tâm Internet Việt Nam quản lý, phân bổ và không được phép phân bổ những địa chỉ khác trên mạng, trừ trường hợp kết nối với các quốc gia khác; phải hợp tác với cơ quan DNS quốc gia trong lĩnh vực kỹ thuật và chính sách phân bổ mạng Internet Việt Nam hoạt động an toàn, hiệu quả.

3. Quản lý, cấp địa chỉ IP sử dụng trên mạng Internet Việt Nam phải phù hợp với chính sách của các tổ chức quản lý có thẩm quyền quy định, phân bổ địa chỉ cho Việt Nam. Quá trình hình thành 6 tháng kể từ ngày cấp phát, địa chỉ không được sử dụng trên mạng sẽ bị thu hồi, nếu không có lý do chính đáng.

4. Việc cấp thêm vùng địa chỉ mới chỉ được xem xét khi thiết lập sử dụng các vùng địa chỉ cần thiết theo quy định của Trung tâm Internet Việt Nam trên cơ sở số liệu báo cáo hàng năm của các đơn vị sử dụng địa chỉ.

Điều 15. Thủ tục cấp địa chỉ Internet

1. Hồ sơ ghi cho Trung tâm Internet Việt Nam bao gồm:

a. “ Xin cấp địa chỉ Internet” theo mô hình Trung tâm Internet Việt Nam quy định.

b. Quy định thành lập hoặc gia nhập doanh nghiệp kinh doanh (bên cung hoặc bên sử dụng công nghệ).

2. Địa chỉ nhà số :

Các cơ sở của Trung tâm Internet Việt Nam tại Hà Nội: 115 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy; tại thành phố Hồ Chí Minh: 27 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1; tại Đà Nẵng: 42 Trần Quốc Tuấn.

3. Thời hạn trả lại kết quả hoặc cấp “Quy định cấp địa chỉ” cho các quan, tổ chức, doanh nghiệp chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp phức tạp, Trung tâm Internet Việt Nam sẽ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 16. Nguyên tắc cấp và sử dụng S h i u m ng (ASN)

1. Theo nhu cầu sử dụng thực tế của các tổ chức.

2. Sử dụng s h i u m ng vào vùng địa chỉ IP của Việt Nam với chính sách ưu tiên cấp, kết nối với nhà cung cấp dịch vụ có chính sách ưu tiên khác nhau.

3. Các tổ chức cấp s h i u m ng chỉ sử dụng s h i u m ng đó trong phạm vi mạng của mình.

4. S h i u m ng sẽ thu hồi nếu quá thời hạn 6 tháng s h i u m ng đó không đưa vào sử dụng trên Internet, nếu không có lý do chính đáng.

Điều 17. Thủ tục cấp s h i u m ng

1. Hồ sơ gửi cho Trung tâm Internet Việt Nam bao gồm:

a. “ Xin cấp S h i u m ng” theo mô hình Trung tâm Internet Việt Nam quy định.

b. Quy định thành lập hoặc gia nhập doanh nghiệp kinh doanh (bên cung hoặc bên sử dụng công nghệ).

2. Địa chỉ nhà số :

Các cơ sở của Trung tâm Internet Việt Nam tại Hà Nội: 115 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy; tại thành phố Hồ Chí Minh: 27 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1; tại Đà Nẵng: 42 Trần Quốc Tuấn.

3. Thời hạn trả lại kết quả hoặc cấp “Quy định cấp s h i u m ng” cho các quan, tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp phức tạp, Trung tâm Internet Việt Nam sẽ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Đ i u 18. Gi i quy t khi u n i

1. Khi có khi u n i v vi c qu n lý và s d ng tài nguyên Internet, các bên liên quan có th g i v n b n yêu c u Trung tâm Internet Vi t Nam gi i quy t. Khi nh n c v n b n yêu c u, Trung tâm Internet Vi t Nam có trách nhi m xem xét, gi i quy t khi u n i theo quy nh hi n hành c a pháp lu t.

2. N u khi u n i có liên quan n vi c c p tên mi n xâm ph m quy n và l i ích h p pháp c a t ch c, cá nhân khác có tr c ngày ng ký, Trung tâm Internet Vi t Nam khuy n khích và t o i u ki n thu n l i các bên liên quan t tho thu n gi i quy t.

3. Trong tr ng h p không t tho thu n c, Trung tâm Internet Vi t Nam gi i quy t khi u n i theo th t c sau.

a. Th i hi u khi u n i l n u là 90 ngày, k t ngày ng i khi u n i bi t c quy t nh c p gi y ch ng nh n ng ký tên mi n b khi u n i. Trong th i h n 10 ngày k t khi nh n c n khi u n i h p l , Trung tâm Internet Vi t Nam có trách nhi m th lý gi i quy t khi u n i và thông báo b ng v n b n cho ng i khi u n i bi t. Th i h n gi i quy t khi u n i l n u không quá 45 ngày k t ngày th lý.

b. Trong vòng 30 ngày k t ngày Giám c Trung tâm Internet Vi t Nam ra quy t nh gi i quy t khi u n i l n u, n u các bên có liên quan không ng ý, thì có quy n khi u n i lên B tr ng B B u chí nh, Vi n thông ho c kh i ki n ra Toà theo quy nh c a pháp lu t.

c. Trong th i h n 10 ngày k t khi nh n c n khi u n i h p l , B B u chí nh, Vi n thông có trách nhi m th lý gi i quy t khi u n i và thông báo b ng v n b n cho ng i khi u n i bi t. Th i h n gi i quy t khi u n i không quá 45 ngày k t ngày th lý.

d. Trung tâm Internet Vi t Nam và B B u chí nh, Vi n thông có th thành l p H i ng gi i quy t khi u n i g m các chuyên gia ã qua th c t công tác t 5 n m tr lên trong l nh v c pháp lu t, am hi u v tài nguyên Internet xem xét và t v n cho vi c ra quy t nh gi i quy t khi u n i.

e. Quy t nh gi i quy t khi u n i c a B tr ng B B u chí nh, Vi n thông là quy t nh gi i quy t khi u n i cu i cùng theo quy nh c a Lu t Khi u n i và T cáo.

Đ i u 19. X lý vi ph m

M i vi ph m "Quy nh v qu n lý và s d ng tài nguyên Internet" s b x ph t theo Ngh nh s 55/2001/N -CP ngày 23 tháng 8 n m 2001 c a Chính ph v qu n lý, cung c p và s d ng Internet; Ngh nh s 142/2004/N -CP ngày 08 tháng 7 n m 2004 c a Chính ph quy nh x ph t vi ph m hành chính v b u chí nh, vi n thông và t n s vô tuyền i n; Thông t s 05/2004/TT-BBCVT ngày 16 tháng 12 n m 2004 c a B B u chí nh, Vi n thông H ng d n th c hi n m t s i u v x lý vi ph m hành chính và khi u n i, t cáo quy nh t i Ch ng IV

Nghị quyết số 55/2001/N -CP của Chính phủ quy định và sửa đổi nội dung về Internet và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương V **I U KHO N THI HÀNH**

Điều 20. Điều khoản thi hành.

1. Các nội dung quy định tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng theo các điều khoản của Quy định này.

2. Trung tâm Internet Việt Nam chịu trách nhiệm:

a. Hướng dẫn, kiểm tra, các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động Internet thực hiện đúng theo bản Quy định này.

b. Ban hành các biện pháp, hướng dẫn liên quan tới việc quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

c. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phản ánh kịp thời về Bộ trưởng, Văn phòng xem xét, bổ sung, sửa đổi.

BỘ TRƯỞNG

(*đã ký*)

Trương Tá